

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01) tại phường Nhơn Bình,
thành phố Quy Nhơn của Công ty TNHH Phú Gia Riverside**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01); tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 23/7/2021;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 43/DA.CG-01 ngày 05/10/2021 của Công ty TNHH Phú Gia Riverside;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 851/TTr-STNMT ngày 19/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM Dự án Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01) của Công ty TNHH Phú Gia Riverside thực hiện tại phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Công ty TNHH Phú Gia Riverside

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND phường Nhơn Bình theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Trường hợp dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Chủ dự án phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND phường Nhơn Bình;
- Chủ dự án;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI KHU VỰC CHỢ GÓC (CG-01),
PHƯỜNG NHƠN BÌNH, THÀNH PHỐ QUY NHƠN
CỦA CÔNG TY TNHH PHÚ GIA RIVERSIDE

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Khu đô thị mới khu vực Chợ Góc (CG-01).

1.2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Phú Gia Riverside.

1.3. Địa điểm: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô dự án: tổng diện tích dự án là 620.771,64 m², với tổng dân cư khoảng 9.136 người.

- Phân kỳ Dự án: Dự án chia thành 02 khu, khu A diện tích 11 ha và khu B diện tích 51 ha, chia làm 3 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: có tổng diện tích khoảng 20 ha (trong đó, khu A diện tích khoảng 11 ha và một phần khu B diện tích khoảng 09 ha).

+ Giai đoạn 2: có tổng diện tích khoảng 25 ha thuộc khu B.

+ Giai đoạn 3: có tổng diện tích khoảng 15 ha thuộc khu B.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: đầu tư xây dựng các công trình nhà ở, dịch vụ công cộng, công viên cây xanh và hạ tầng kỹ thuật khu đô thị (giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng).

1.6. Phương án san lấp mặt bằng, vận chuyển đất san lấp:

- Đất san lấp phục vụ Dự án gồm vật chất san nền tiếp nhận từ các Dự án khác (bùn nạo vét, đất thừa,..); trong trường hợp không đủ sẽ sử dụng đất san nền từ các mỏ khoáng sản được cấp phép trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động san lấp mặt bằng được tiến hành bằng hình thức cuốn chiếu chia làm 3 giai đoạn theo tiến độ thực hiện Dự án. Trước khi tiến hành hoạt động san lấp, Chủ đầu tư xây dựng tuyến kè chắn bằng bê tông xi măng kiên cố với tổng chiều dài là 1.587 m và bờ bao xung quanh khu vực Dự án để hạn chế hiện tượng sa bồi, sạt lở; tháo khô nước của các hồ nuôi trồng thủy sản hiện trạng trong khu vực để tận dụng thành các hồ lắng vật chất nạo vét phục vụ cho san lấp.

- Phương án san lấp như sau: Bùn nạo vét có nước → hồ nuôi trồng thủy sản hiện trạng phía Đông và phía Bắc đã được tháo nước → xúc bốc, vận chuyển đến các khu vực san lấp.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Giai đoạn thi công xây dựng: bụi trong quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng, bụi và khí thải của máy móc thi công, phương tiện vận chuyển, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn xây dựng: nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,6 m³/ngày, nước thải từ trạm trộn bê tông tươi phát sinh khoảng 10 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ, vi sinh, TSS cao.

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt khoảng 1.950 m³/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi, khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- CTR sinh hoạt (chất hữu cơ, nilông, giấy,...) phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 68,49 kg/ngày, phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 6.258 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

- CTR xây dựng: gồm đất bóc hữu cơ (thực bì, bùn bề mặt, đất thừa,...) phát sinh khoảng 119.429 m³ và các CTR xây dựng thông thường khác (đất cát rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì xi măng, dây điện,...) phát sinh khoảng 40 kg/ngày; xà bần phát sinh khoảng 3.103 kg.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn xây dựng phát sinh với tổng khối lượng khoảng 92 kg và giai đoạn hoạt động phát sinh với khối lượng khoảng 380 kg/năm, có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải

a) Trong giai đoạn xây dựng

- Nước phát sinh từ các hồ lắng vật chất nạo vét:

+ Giai đoạn 1: tận dụng các 03 hồ nuôi trồng thủy sản hiện trạng (đã rút khô nước, thành đờng gia cố bằng đất đắp) phía Đông Dự án để lưu chứa và xử

lý sơ bộ (lắng, lọc) nước đảm bảo trước khi thải ra môi trường. Nước phát sinh từ quá trình lắng vật chất nạo vét được thu gom tuần tự qua các hồ số 1 (diện tích 20.000 m²), hồ số 2 (diện tích 6.600 m²), hồ số 3 (diện tích 3.500 m²) để xử lý đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, kq = 1,0; kf = 1,2) trước khi thải ra môi trường.

+ Giai đoạn 2: tận dụng các 03 hồ nuôi trồng thủy sản hiện trạng (đã rút khô nước, thành được gia cố bằng đất đắp) phía Bắc Dự án để lưu chứa và xử lý sơ bộ (lắng, lọc) nước đảm bảo trước khi thải ra môi trường. Nước phát sinh từ quá trình lắng vật chất nạo vét được thu gom tuần tự qua các hồ số 4 (diện tích 7.600 m²), hồ số 5 (diện tích 5.200 m²), hồ số 6 (diện tích 4.299 m²) để xử lý đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, kq = 1,0; kf = 1,2) trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải phát sinh từ trạm trộn bê tông tươi: đào các rãnh thu gom nước về hố lắng (kết cấu đáy bằng đất đầm chặt chống thấm và thành được gia cố bằng đất đắp, đá dăm, kích thước dài 5m x rộng 2m x sâu 2m) để lắng nước thải và tuần hoàn tái sử dụng. Trường hợp xả thải, nước thải sau xử lý đảm bảo theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, kq = 1,0; kf = 1,2) trước khi thải ra môi trường.

b) Trong giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các hộ gia đình, các công trình công cộng, dịch vụ trong khu đô thị đầu nối vào các hố ga, tuyến ống nhựa HDPE dọc theo các tuyến đường; nước thải được thu gom về bể thu gom tập trung có thể tích 650 m³, 02 trạm bơm độc lập công suất 125 m³/h (tại khu B) và 15 m³/h (tại khu A), sau đó đầu nối với hệ thống thoát nước thải của khu vực đưa về Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung Nhơn Bình để xử lý. Trong trường hợp hạ tầng thoát nước thải của khu vực chưa đáp ứng, sẽ thực hiện theo các phương án sau:

- Đầu tư tuyến ống nhựa HDPE (dài 300 m, đường kính 250 mm) để đầu nối nước thải từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải của Khu đô thị Đại Phú Gia để xử lý.

- Khi lượng nước thải phát sinh từ Dự án vượt công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải Khu đô thị Đại Phú Gia, sẽ xây dựng riêng tuyến ống nhựa HDPE (dài 1.417 m, đường kính 250 mm) chạy dọc đường Điện Biên Phủ nối dài để dẫn nước thải trực tiếp về Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung Nhơn Bình.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: phương tiện vận chuyển được phủ kín bạt, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân, phun nước giảm thiểu bụi phát sinh,...

- Giai đoạn hoạt động: trồng cây xanh với diện tích khoảng 75.282 m².

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường và CTNH

- Giai đoạn thi công: đất bốc hữu cơ (thực bì, bùn bề mặt, đất thừa,...) được tận dụng đổ tại khu vực quy hoạch trồng cây xanh của Dự án có diện tích khoảng 75.282 m², xà bần được tận dụng san lấp mặt bằng Dự án.

- Giai đoạn hoạt động:

+ CTR sinh hoạt: bố trí thùng rác dọc các tuyến đường giao thông trong Dự án

+ CTNH: trang bị các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực riêng có mái che để thu gom CTNH phát sinh và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

- Lắp đặt các biển báo hiệu tại công trường đang thi công và hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công.

- Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng phương tiện.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Xây dựng hệ thống kè chắn và bờ bao xung quanh các khu vực san lấp để hạn chế hiện tượng sa bồi, sạt lở qua các khu vực sản xuất của người dân.

- Ban hành nội quy cụ thể về an toàn sử dụng điện, an toàn phòng cháy chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Bể thu gom tập trung có thể tích 650 m³.

- 06 hồ nuôi trồng thủy sản được gia cố bờ bao đảm bảo (diện tích 20.000 m², 6.600 m², 3.500 m², 7.600 m², 5.200 m², 4.299 m²) để lắng vật chất nạo vét phục vụ san lấp mặt bằng.

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Tuyến ống nhựa HDPE (dài 300 m, đường kính 250 mm) để đấu nối nước thải từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải của Khu đô thị Đại Phú Gia.

- Tuyến ống nhựa HDPE (dài 1.417 m, đường kính 250 mm) chạy dọc đường Điện Biên Phủ nối dài để dẫn nước thải trực tiếp về Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung Nhơn Bình.

- Diện tích trồng cây xanh khoảng 75.282 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án hoặc đơn vị nhận bàn giao quản lý và vận hành dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại, thực hiện chương trình giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát việc thu gom CTR và CTNH về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ, giám sát sạt lở, giám sát môi trường không khí xung quanh.

b) Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí xả nước thải từ các hố lắng vật chất nặng vét xả ra ngoài Dự án; 02 vị trí cách 200 m về phía hạ lưu khu vực xả thải; 01 vị trí xả nước thải từ trạm trộn bê tông.

- Thông số giám sát: pH, TSS, COD

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ($kq = 1,0$; $kf = 1,2$)

5.2. Giám sát vận hành thương mại:

a) Giám sát chất thải rắn: giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom, tình hình thu gom và việc lưu giữ.

b) Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định.

6. Một số nội dung khác

- Thực hiện sửa chữa, cải tạo tuyến đường phục vụ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu trong trường hợp xảy ra hư hỏng do quá trình xây dựng Dự án.

- Thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, đền bù thiệt hại cho người dân trong trường hợp quá trình xây dựng Dự án ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của người dân xung quanh.